TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21.3.2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cơ

2. Ông Nguyễn Công Chi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc T - sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim T1 - sinh năm 1976; nơi cư trú: Tòa nhà E, tầng C, phòng 310, Chung cư H, tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện về việc ly hôn gửi đến Tòa án ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại Bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn - ông Hồ Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Kim T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào năm 2006. Sau khi kết hôn,

ông và bà T1 sống tại thành phố C. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2010, trầm trọng nhất từ năm 2011. Nguyên nhân là do bà T1 ham đi chơi, bỏ con cho ông chăm sóc; mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, bà T1 đưa con và cầm số tiền lớn rời Cao Bằng về Đà Nẵng sinh sống. Từ đó, vợ chồng sống ly thân. Bản thân ông hiện nay đang bị bệnh ung thư phổi, sống nhờ trợ cấp gia đình. Nay, ông xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T1.

- Về quan hệ nuôi con chung: Ông xác định ông và bà T1 có 01 (*Một*) con chung là Hồ Thu M - sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005. Con chung đã đủ 18 tuổi nên ông không đề nghị giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản: Ông xác định ông và bà T1 không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông và bà T1.

* Tại Bản trình bày gửi đến Toà án ngày 14 tháng 12 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn - bà Lê Thị Kim T1 trình bày:

Bà và ông Hồ Ngọc T chung sống với nhau từ năm 2005, đến năm 2006 mới tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở Cao Bằng. Tại đây, vợ chồng thành lập Công ty TNHH MTV Đ chuyên kinh doanh sửa chữa máy xúc, máy ủi. Do ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá bức xúc, cuối năm 2022, bà đưa con về Đà Nẵng, để lại tài sản và công ty cho ông T.

Năm 2018, ông T gửi đơn xin ly hôn với bà tại Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình Toà án giải quyết, ông T cho rằng cháu Hồ Thu M không phải là con nên yêu cầu xét nghiệm ADN. Trước khi thực hiện xét nghiệm, ông T có viết giấy thoả thuận nếu xét nghiệm ADN cháu M là con ông thì ông sẽ có trách nhiệm hỗ trợ tiền nuôi con từ năm 2012 cho đến năm 2018 là 108.000.000 đồng (*Một trăm lẻ tám triệu đồng*) và cấp dưỡng thêm nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Kết quả xét nghiệm: Cháu M là con của ông T. Sau đó, ông T rút đơn xin ly hôn ở Toà án huyện H. Đến nay, ông đang bị bệnh và chung sống với người phụ nữ khác. Bà đề nghị Toà án buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ theo nội dung đã thoả thuận năm 2018 thì mới đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà và ông T có 01 (*Một*) con chung như ông T trình bày.

- Về quan hệ chia tài sản chung: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý, thời hạn giải quyết cũng như việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng

dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Hồ Ngọc T đối với bà Lê Thị Kim T1. Con chung đã đủ 18 tuổi, ông T và bà T1 không có tài sản chung và nợ chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Ngọc T và ông Lê Thị Kim T1 đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp.

[*1.1*] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà T1, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ lời trình bày của ông T và lời xác nhận bà T1 trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2010. Nguyên nhân theo ông T trình bày là bà T1 ham đi chơi, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, bà T1 tự ý đưa con về Đà Nẵng sinh sống. Còn theo bà T1 là do ông T có quan hệ tình cảm bên ngoài. Thực tế từ năm 2010, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau.

Bà T1 trình bày ông T có quan hệ tình cảm bên ngoài và hiện đang chung sống với người phụ nữ khác, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Việc bà T1 không đồng ý ly hôn là do ông T không thực hiện thoả thuận hỗ trợ nuôi con, chứ không phải do giữa vợ chồng vẫn còn tình cảm, mẫu thuẫn vẫn còn khả năng hàn gắn.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông T và bà T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T đối với bà T1, xử cho ông T được ly hôn với bà T1.

[*1.2*] Về quan hệ nuôi con chung*:* Ông T và bà T1 có 01 (*Một*) con chung là Hồ Thu M - sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005. Con chung đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[*1.3*] Về quan hệ chia tài sản: Ông T và bà T1 đều xác định không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] □n phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Hồ Ngọc T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hồ Ngọc T đối với bà Lê Thị Kim T1 về việc "Ly hôn".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho ông T được ly hôn với bà T1 .

* Về quan hệ nuôi con chung: Con chung Hồ Thu M - sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005 đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết.

* Về quan hệ chia tài sản: Ông T và bà T1 không có tài sản chung; không nợ của ai, không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Hồ Ngọc T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000355 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. xã Hoà Liên, huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS. quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy